

KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

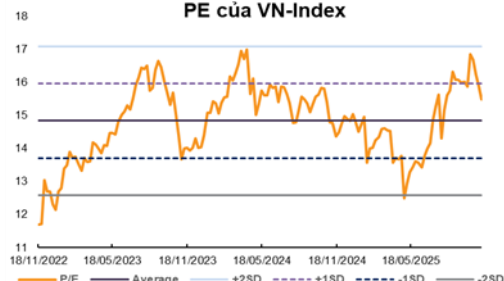
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.717,1	258,9	119,7
1 ngày (%)	0,9	0,4	0,5
1 tháng (%)	4,7	-2,6	5,5
Từ 2025	35,5	13,8	25,9
1 Năm (%)	37,2	14,9	29,5
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	7.533	408	905
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	0,9	1,0	0,4
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

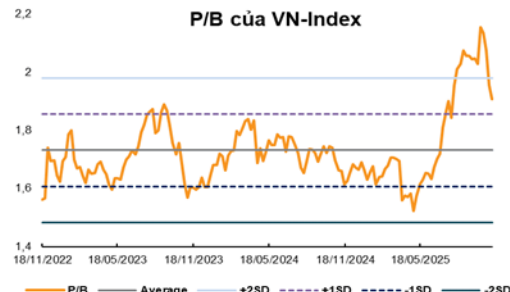
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index vượt mốc 1.710 điểm với sắc xanh lan tỏa tích cực

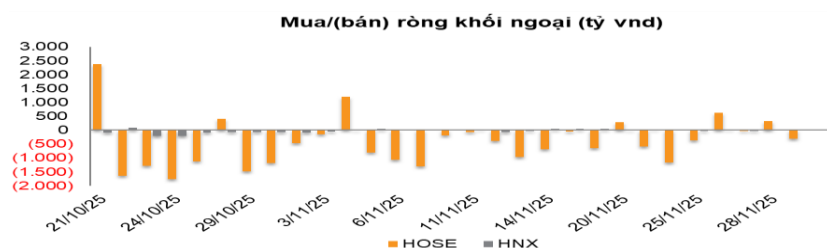
Thị trường phiên chiều ghi nhận dòng tiền nhập cuộc rõ nét hơn, đẩy chỉ số chung vượt lên trên ngưỡng tâm lý 1.710 điểm. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index ghi nhận mức tăng ấn tượng 15,39 điểm (+0,90%), đóng cửa tại mốc cao nhất trong ngày là 1.717,06 điểm. Mặc dù chỉ số tăng mạnh, độ rộng thị trường vẫn cho thấy sự giằng co với 144 mã tăng so với 149 mã giảm, song tâm lý chung đã lạc quan hơn so với các phiên trước đó.

Duy trì đà tăng điểm, chỉ số VN30 ghi nhận mức tăng 16,56 điểm (+0,86%), lên mức 1.950,12 điểm. Sắc xanh chiếm ưu thế trong rõ vốn hóa lớn với 20 cổ phiếu tăng điểm, 5 cổ phiếu dừng chân ở ngưỡng tham chiếu và 5 cổ phiếu giảm điểm. Động lực dẫn dắt thị trường hôm nay đến từ nhóm Hàng không và nhóm Thực phẩm khi VJC chạm sát ngưỡng trần (+6,8%) và SAB tăng kịch trần (+6,9%). Ngoài ra, các trụ cột khác như GVR (+3,9%), TCB (+3,0%), và VIC (+1,9%) cũng đóng góp lớn vào đà tăng. Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh nhẹ xuất hiện ở một vài mã ngân hàng như VPB (-1,4%), LPB (-0,8%) và BID (-0,3%).

Về nhóm ngành, dòng tiền lan tỏa một cách rõ rệt. Điểm sáng nổi bật thuộc về nhóm Du lịch & Giải trí với mức tăng trưởng ngành đạt +3,88% (được hỗ trợ bởi cổ phiếu VJC). Nhóm Hóa chất (+2,22%) và Hàng hóa dịch vụ công nghiệp (+1,4%) cũng ghi nhận một phiên giao dịch tích cực. Nhóm Bất động sản duy trì đà tăng ổn định +1,16%, hai nhóm ngành Dịch vụ tài chính và Ngân hàng cũng ghi nhận mức tăng nhẹ lần lượt là +1,09% và +0,48% sau chuỗi giảm điểm trước đó. Ngược lại, sắc đỏ vẫn hiện diện ở một số nhóm ngành như Viễn thông (-0,79%), Tài nguyên (-0,56%) và Công nghệ (-0,09%), cho thấy sự phân hóa đang tiếp tục diễn ra.

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HoSE đạt hơn 20.774 tỷ đồng, tăng 11,9% so với phiên trước và chạm ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất. Thanh khoản tăng mạnh vào phiên chiều cho thấy dòng tiền sẵn sàng tham gia ở vùng giá cao và chủ động hơn so với giai đoạn trước đó. Chỉ số đã vượt qua vùng cản tâm lý 1.700 điểm một cách thuyết phục nhờ sự đồng thuận của nhóm VN30. Với việc VN-Index đóng cửa ở mức cao kèm thanh khoản tích cực, xu hướng tăng ngắn hạn đang được củng cố. Tuy nhiên, việc thị trường vẫn còn sự phân hóa khi dòng tiền đang tập trung vào các nhóm cổ phiếu trụ, và các ngành dẫn dắt đang tiềm ẩn rủi ro trong ngắn hạn. Theo đó, chúng tôi duy trì chiến lược giao dịch thận trọng: 1) Đối với danh mục có tỷ trọng cổ phiếu cao, nên chờ đợi các nhịp hồi phục để tái cơ cấu, ưu tiên nắm giữ các mã có câu chuyện tăng trưởng riêng biệt và giảm tỷ trọng các mã đang suy yếu kỹ thuật, đồng thời kết hợp kiểm soát tỷ lệ đòn bẩy margin ở ngưỡng an toàn; 2) Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao, nên kiên nhẫn quan sát. Chỉ mở vị thế mua mới và giải ngân thăm dò với tỷ trọng nhỏ tại các vùng hỗ trợ mạnh đối với các cổ phiếu mạnh hơn thị trường chung, hoặc có nền tảng tích lũy tốt, tránh mua đuổi cổ phiếu.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,3	387,5	4,4	1,0	14,2	17,8	19,5	8,5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,0	27,0	3,1	0,9	5,4	11,8	12,0	2,5
Năng lượng	2,0	26,7	1,4	0,1	-1,5	-3,8	-6,5	90,1
Tài chính	38,7	11,0	1,7	0,6	-2,1	24,7	28,4	63,9
Chăm sóc sức khỏe	0,5	21,7	2,7	0,3	-1,0	1,4	4,2	48,9
Công nghiệp	9,2	52,7	5,4	1,8	3,9	122,6	129,6	67,3
Công nghệ thông tin	2,4	18,3	4,4	-0,2	-6,4	-24,8	-20,5	78,3
Vật liệu xây dựng	6,2	15,4	1,7	1,2	-1,7	6,8	6,1	44,0
Bất động sản	25,7	79,0	4,9	1,3	25,2	364,6	365,5	5,1
Dịch vụ tiện ích	3,9	15,1	2,1	0,7	3,6	2,2	1,8	-14,2



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Trung Quốc: Chỉ số PMI ngành sản xuất tháng 11/2025 giảm xuống 49,9 từ mức 50,6, quay trở lại vùng thu hẹp sau một tháng tăng trưởng nhẹ. Sản lượng gần như đi ngang, đơn hàng mới suy giảm, cùng với doanh nghiệp cắt giảm mua nguyên liệu và giảm tồn kho. Tuy nhiên, tâm lý kỳ vọng 12 tháng tới vẫn được giữ ở mức tích cực nhờ kỳ vọng hỗ trợ chính sách và ra mắt sản phẩm mới.
- Mỹ: Chỉ số PMI ngành sản xuất tháng 11/2025 giảm xuống 48,2, tiếp tục nằm dưới ngưỡng 50 và đánh dấu tháng thứ 9 liên tiếp ngành sản xuất suy giảm. Hoạt động công nghiệp chịu áp lực lớn từ chi phí đầu vào tăng, nhu cầu yếu và đơn hàng mới giảm. Nhiều doanh nghiệp cắt giảm việc làm, thu hẹp sản xuất trong nước và chuyển một phần sản xuất ra nước ngoài.
- Mỹ công bố thỏa thuận thuế quan 0% đối với dược phẩm và công nghệ y tế nhập khẩu từ Anh, đổi lại các hãng dược Anh cam kết sẽ đầu tư nhiều hơn và tạo ra nhiều việc làm hơn ở Mỹ.

Tin vĩ mô trong nước

- Trong khuôn khổ Kỳ họp lần thứ 48 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam và Lào ngày 02/12, hai nước đã ký kết Biên bản ghi nhớ về phát triển chuỗi liên kết công nghiệp, nhằm nâng kim ngạch thương mại song phương lên 10 tỷ USD.
- Từ ngày 30/11-02/12 trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc cấp cao giữa lãnh đạo Việt Nam và Brunei, hai nước ký Tuyên bố chung cùng với thêm các văn kiện hợp tác trên nhiều phương diện, đánh dấu bước phát triển quan hệ song phương lên tầm cao hơn.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **VCK – Chuẩn bị niêm yết hơn 1,48 tỷ cổ phiếu trên HoSE:** Sở GDCK TP.HCM đã chấp thuận cho công ty chứng khoán VPS niêm yết hơn 1,48 tỷ cổ phiếu (14.800 tỷ đồng) lên sàn HoSE trong tháng 12/2025 với mã chứng khoán VCK, thông tin chi tiết về thời gian chính thức niêm yết và giá phát hành hiện chưa được công bố. Trong đợt IPO, công ty bán thành công 202,3 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 12.138,6 tỷ đồng.
- **VPX – Chính thức nộp hồ sơ niêm yết lên HoSE:** Sau phiên IPO kỷ lục, VPBankS chính thức đệ trình hồ sơ niêm yết lên HoSE với mã chứng khoán VPX, tổng khối lượng 1.875.000.000 cổ phiếu (vốn điều lệ 18.750 tỷ đồng). Trong đợt IPO, công ty bán thành công 375 triệu cổ phiếu, nâng vốn điều lệ từ 15.000 tỷ đồng lên 18.750 tỷ đồng, trở thành công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn thứ 3 thị trường.
- **CTG – VietinBank được chấp thuận tăng vốn lên hơn 77.000 tỷ đồng:** Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam vừa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận tăng vốn điều lệ lên hơn 77.000 tỷ đồng, nhằm nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng yêu cầu vốn tối thiểu theo khung quy định mới và mở rộng hoạt động tín dụng, dịch vụ ngân hàng, đầu tư cũng như mạng lưới chi nhánh.
- **THA – THACO hé lộ kế hoạch huy động vốn cho dự án đường sắt cao tốc Bắc-Nam:** CTCP Tập đoàn Trường Hải hé lộ phương án huy động vốn quy mô lớn cho dự án Đường sắt cao tốc Bắc-Nam trị giá 67 tỷ USD, trong đó doanh nghiệp dự kiến kết hợp nhiều kênh tài chính như vốn chủ sở hữu, hợp tác với nhà đầu tư quốc tế, phát hành trái phiếu và vay tín dụng để đảm bảo nguồn lực dài hạn.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Áp lực thanh khoản vẫn chưa hạ nhiệt khi lãi suất liên ngân hàng qua đêm và kỳ hạn một tuần vẫn giao dịch trong khoảng 5,4% - 5,8%. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bơm ròng 16,7 nghìn tỷ đồng ngày 2/12, đánh dấu phiên bơm ròng thứ 8 liên tiếp, nâng tổng giá trị hợp đồng reverse repo đang lưu hành trên OMO lên mức kỷ lục 356 nghìn tỷ.
- Tỷ giá USDVND tăng nhẹ 5 đồng so với hôm qua lên 23,375 đồng, trong khi chỉ số USD giữ ở mức 99,4 sau khi chạm mức thấp nhất trong hai tuần vào thứ Hai, trong bối cảnh kỳ vọng Cục Dự trữ Liên bang (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất vào tuần tới. Hiện các nhà giao dịch đang định giá khả năng 88% Fed sẽ hạ lãi suất 25 điểm cơ bản tại cuộc họp sắp tới.



Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,19	0,2	0,9	39,4	62,3
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	7,30	1,7	32,7	89,6	75,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,24	19,7	27,5	46,3	57,4
USD/VND	26.376	0,0	-0,3	-3,4	-3,8
DXY	99,52	0,1	-0,3	-8,3	-6,5
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,09	0,0	0,2	-10,6	-2,5
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,54	0,1	-0,9	-17,0	-14,1

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.183,70	-1,3	4,7	58,4	58,8
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	59,28	-0,1	-2,8	-17,3	-13,0
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	63,08	-0,1	-3,1	-15,5	-12,2
Thép (USD/tấn)	451,2	0,1	0,1	-9,9	-11,3
Thịt heo (USD/kg)	1,6	-0,4	-7,1	-25,9	-29,1
Gạo (USD/tấn)	463,3	0,4	-0,5	-27,2	-33,2
Phân urea (USD/tấn)	363,0	0,0	3,0	14,3	16,2

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 01/12/2025	Việt Nam	Chỉ số PMI sản xuất tháng 11.2025
	Trung Quốc	Chỉ số PMI sản xuất tháng 11.2025
Thứ Ba 02/12/2025	Mỹ	Chủ tịch Fed phát biểu
	EU	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11.2025
Thứ Sáu 05/12/2025	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 9.2025
Thứ Bảy 06/12/2025	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 11.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.334	1,6	3.409	54.000	73.300	36,8%	1,0%	18,2	2,9	17%
AST	127	0,0	4	74.200	85.400	18,5%	3,4%	14,7	5,2	38%
HVN	3.321	1,8	695	28.150	43.400	56,4%	2,2%	9,4	15,7	
VJC	4.474	15,0	1.032	217.900	113.600	-47,4%	0,5%	75,0	5,3	8%

Bán lẻ



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
BAF	378	2,5	179	32.800	37.200	13,4%		17,8	2,3	13%
DGW	361	3,0	96	43.100	49.600	16,2%	1,2%	17,8	2,9	17%
FRT	936	3,0	158	145.000	150.300	3,9%	0,2%	40,1	8,0	25%
MCH	8.802	3,1	3.083	219.700	147.000	-32,0%	1,1%	33,2	14,5	44%
MWG	4.484	22,4	129	80.000	96.300	21,6%	1,3%	20,2	3,8	20%
PNJ	1.185	2,2	1	91.600	109.900	21,5%	1,5%	13,7	2,6	21%
QNS	612	0,2	250	43.900	53.400	23,9%	2,3%	7,1	1,4	20%
SAB	2.548	1,5	1.057	52.400	59.900	18,1%	3,8%	15,9	3,0	18%
VHC	485	3,3	390	57.000	71.300	28,6%	3,5%	8,2	1,3	17%
VNM	5.150	11,8	2.565	65.000	74.800	19,5%	4,4%	17,5	4,0	24%
Tài chính										
ACB	4.664	12,9	40	23.950	31.300	34,3%	3,6%	7,1	1,3	20%
BID	9.810	5,7	1.260	36.850	47.200	29,3%	1,2%	9,8	1,6	18%
CTG	9.986	17,1	450	49.050	49.000	0,8%	0,9%	7,9	1,6	22%
HDB	4.682	19,9	149	32.000	34.900	11,7%	2,6%	7,7	1,7	25%
LPB	5.380	4,7	216	47.500	33.400	-24,4%	5,3%	13,7	3,3	25%
MBB	7.192	27,3	223	23.550	32.900	41,8%	2,1%	7,8	1,5	21%
STB	3.531	17,1	536	49.400	45.700	-6,2%	1,2%	7,6	1,5	22%
TCB	9.188	22,9	8	34.200	40.300	20,8%	2,9%	11,0	1,5	14%
TPB	1.798	11,0	98	17.100	17.800	9,7%	5,6%	7,3	1,2	17%
VCB	18.247	11,4	1.574	57.600	69.300	21,1%	0,8%	13,7	2,2	17%
VIB	2.381	6,4	0	18.450	23.600	31,2%	3,3%	8,3	1,4	18%
VPB	8.693	34,5	498	28.900	24.100	-14,9%	1,7%	11,1	1,5	14%
Dệt may										
MSH	144	0,5	64	33.800	40.600	32,0%	11,8%	6,6	1,7	28%
TCM	119	1,6	2	28.000	29.800	8,1%	1,6%	12,2	1,3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2.602	0,7	825	66.300	68.600	5,0%	1,5%	18,7	3,2	18%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
GMD	1.014	5,8	59	62.700	72.000	18,0%	3,2%	20,5	2,1	12%
HAH	391	5,2	90	61.000	55.400	-7,9%	1,3%	8,8	2,5	31%
VSC	312	10,4	145	22.000	19.100	-10,9%	2,3%	18,2	1,5	9%
IDC	571	3,4	217	39.700	45.600	18,6%	3,8%	8,2	2,3	31%
KBC	1.235	9,2	477	34.600	30.000	-12,2%	1,1%	18,5	1,3	7%
PHR	293	0,4	103	57.000	68.400	22,4%	2,4%	11,5	1,9	17%
VTP	461	2,7	204	99.800	129.200	30,5%	1,1%	41,2	7,0	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.394	6,8	535	96.800	128.300	35,6%	3,1%	12,4	2,4	20%
HPG	7.712	52,9	2.285	26.500	30.000	14,3%	1,1%	14,1	1,6	12%
Dầu khí										
BSR	2.895	7,1	1.405	15.250	16.700	12,4%	2,8%	36,9	1,3	4%
GAS	6.047	1,8	2.854	66.100	78.400	21,7%	3,1%	13,2	2,5	20%
OIL	416	0,4	25	10.600	14.800	42,0%	2,4%	33,5	1,1	3%
PLX	1.679	2,1	84	34.850	47.700	40,3%	3,4%	17,8	1,7	10%
PVD	556	7,3	227	26.400	27.850	15,0%	9,5%	16,3	0,9	6%
PVS	636	5,7	229	32.800	44.800	38,6%	2,0%	11,5	1,2	11%
PVT	342	2,3	135	19.200	23.400	23,1%	1,2%	9,2	1,1	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	593	3,9	275	23.000	23.300	5,1%	3,8%	20,2	1,4	7%
DCM	679	3,6	308	33.850	40.000	24,1%	5,9%	10,3	1,7	17%
DDV	147	1,3	67	26.500	39.700	53,2%	3,4%	23,0	2,2	10%
PLC	78	0,3	37	25.600	34.800	37,9%	2,0%	17,4	1,6	9%
Điện										
POW	1.323	5,0	612	14.900	17.600	19,5%	1,3%	18,3	1,0	6%
Điện và BĐS										
HDG	436	5,2	126	31.100	37.400	21,6%	1,3%	33,1	1,8	5%
PC1	362	2,3	136	23.200	30.500			19,1	1,6	9%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
REE	1.296	1,4	0	63.100	76.600	22,8%	1,4%	13,2	1,7	13%
Bất động sản										
DXG	711	18,4	210	18.400	18.300	10,3%	10,9%	45,1	1,5	3%
KDH	1.427	8,8	321	33.550	41.800	25,5%	0,9%	42,0	2,1	5%
NLG	648	4,3	31	35.200	42.200	21,2%	1,3%	18,3	1,5	9%
VHM	16.631	23,4	6.824	106.800	93.600			16,8	2,0	13%
VRE	3.007	14,5	1.051	34.900	32.000	-5,3%	3,0%	16,3	1,7	11%
Công nghệ										
FPT	6.239	36,7	632	96.600	118.200	23,4%	1,0%	18,3	4,6	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA

